**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ 1, NĂM HỌC 2021 -2022**

**TỔ: NGỮ VĂN- GDCD MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN - 10**

**I.Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

 - Thời gian kiểm tra: 45 phút.

 - Số câu trắc nghiệm: 28 câu- 7 điểm.

 - Số câu tự luận : 02 câu- 3 điểm.

Ngày kiểm tra:……………………………………….

**II.Nội dung kiểm tra:** theo Kế hoạch giảng dạy, năm học: 2021-2022.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1**. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng |  | Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng | Mục 1.Vai trò TGQ và PPL của Triết học**(không học)**Mục 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng. **(không học)** |
| **Bài 2.** Thế giới vật chất tồn tạikhách quan |  |  | Cả bài **không học** |
| **Chủ đề:** Nguồn gốc- Cách thức và khuynh hướng vận động phát triển của sự vật, hiện tượng. | **Bài 3** | Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất  | Mục 1c. Các hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất **(không học)**Mục 2b. Phát triển là khuynh hướng tất yếu của TGVC **(không học)** |
| **Bài 4** | Nguồn gốc vận động phát triển của sự vật, hiện tượng  | Mục 1. Thế nào là mâu thuẫn **(không học)** |
| **Bài 5** | Cách thức vận động phát triển của sự vật, hiện tượng  | Mục 1. Chất**(không học)** |
| Mục 2. Lượng**(không học)** |
| **Bài 6** | Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng  | Mục 1b. Đặc điểm của phủ định biện chứng**(không học)** |
| Mục 2. Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng**(không học)** |
| **Bài 7.** Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức |  | Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức  | Mục 1. Hai giai đoạn của quá trình nhận thức**(không học)**Mục 2. Ba hình thức cơ bản của thực tiễn **(không học)** |
| **Bài 8.** Tồn tại xã hội và ý thức xã hội |  |  | Cả bài**(không học)** |
| **Bài 9.** Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triểncủa xã hội | 13 | Con người là mục tiêu phát triển của xã hội  | Mục 1. Con người là chủ thể của lịch sử **(không học)** |
| Mục 2b. Chủ nghĩa xã hội và sự phát triển toàn diện của con người**(không học)** |

**I.Phần trắc nghiệm.**

**Câu 1:** Câu nói “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông” là của nhà triết học nào?

**A.** Hê-ra-clít. **B.** Hê-ghen. **C.** Béc- cơ-li. **D.** Phoi-ơ-bắc.

**Câu 2:** Nhà triết học Béc- cơ-li quan niệm “Tồn tại là cái cảm giác được” là

**A.** phương pháp luận biện chứng. **B.** phương pháp luận siêu hình.

**C.** thế giới quan duy vật. **D.** thế giới quan duy tâm.

**Câu 3:** Theo quan điểm triết học “Độ” của sự vật, hiện tượng là

**A.** giới hạn của sự vật và hiện tượng.

**B.** sự thống nhất, liên hệ qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa chất và lượng.

**C.** giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất của sự vật và hiện tượng.

**D.** sự biểu hiện mối quan hệ qua lại giữa chất và lượng.

**Câu 4:** Mối liên hệ nào sau đây thể hiện phép biện chứng?

**A.** Giữa bạn Long và bạn Bình. **B.** Giữa cây cối và nước.

**C.** Giữa mưa và nước. **D.** Giữa vứt rác bừa bãi và ô nhiễm môi trường.

**Câu 5:** Theo quan điểm triết học đâu là nguồn gốc của sự phát triển?

**A.** Mâu thuẫn. **B.** Mặt đối lập.

**C.** Vượt qua điểm nút. **D.** Lượng và chất.

**Câu 6:** Theo quan điểm triết học hoạt động thực tiễn cơ bản nhất của con người là

**A.** hoạt động sản xuất vật chất. **B.** hoạt động xã hội.

**C.** hoạt động thực nghiệm khoa học. **D.** hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giáo dục.

**Câu 7:** Vận động là thuộc tính vốn có của sự vật hiện tượng, là phương thức tồn tại của các sự vật và hiện tượng là

**A.** vận động đối lập với đứng im.

**B.** thông qua vận động, sự vật hiện tượng thể hiện đặc tính.

**C.** sự vật, hiện tượng nào cũng luôn luôn vận động.

**D.** hình thức vận động rất đa dạng.

**Câu 8:** Trong những câu dưới đây, câu nào không thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi?

**A.** Dốt đến đâu học lâu cũng biết.

**B.** Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

**C.** Chẳng chua cũng thể là chanh, chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây.

**D.** Có công mài sắt có ngày nên kim.

**Câu 9:** Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng là

**A.** mặt đối lập của mâu thuẫn. **B.** sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

**C.** sự đấu tranh giữa các mặt đối lập. **D.** giải quyết mâu thuẫn.

**Câu 10:** Câu nào dưới đây thể hiện vai trò của thực tiễn là cơ sở của nhận thức?

A. Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa. B. Con hơn cha, nhà có phúc.

C. Gieo gió gặt bão. D. Ăn cây nào rào cây ấy.

**Câu 11:**  Câu nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

B. Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng.

C. Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão.

D. Cái răng cái tóc là góc con người.

**Câu 12:** Mâu thuẫn cũ mất đi, mâu thuẫn mới hình thành, sự vật và hiện tượng cũ được thay thế bằng sự vật, hiện tượng mới là

**A.** giải quyết mâu thuẫn.

**B.** mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng đấu tranh.

**C.** sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.

**D.** mặt đối lập của mâu thuẫn.

**Câu 13:** Thành ngữ nào dưới đây thuộc phương pháp luận siêu hình?

**A.** Sông có khúc, người có lúc. **B**. Rút dây động rừng.

**C.** Thấy cây nhưng không thấy rừng. **D.** Tre già măng mọc.

**Câu 14:** Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây thuộc phương pháp luận siêu hình?

**A.** Nước lã mà vã nên hồ, tay không mà nổi cơ đồ mới hay.

**B.** Nén bạc đâm toạc tờ giấy.

**C.** Số giàu tay trắng cũng giàu, số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.

**D.** Có bột mới gột nên hồ.

**Câu 15:** Trong các ý sau, ý nào thể hiện yếu tố biện chứng?

**A.** Giỏ nhà ai, quai nhà nấy.

**B.** Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.

**C.** Việc của ai, người ấy làm, chẳng có ai liên quan đến ai cả.

**D.** Đèn nhà ai, nhà ấy rạng.

**Câu 16:** Các Mác nói “Hạnh phúc là đấu tranh”. Câu nói ấy đã nêu được ý nghĩa tích cực của việc vận dụng một quan điểm Triết học duy vật biện chứng vào đời sống xã hội là

**A.** vận động là phương thức tồn tại của vật chất.

**B.** mọi sự vật, hiện tượng thường xuyên vận động.

**C.** sự chuyển hóa giữa các chất tạo ra cái mới.

**D.** giải quyết mâu thuẫn tạo nên nguồn gốc phát triển.

**Câu 17:** Xem xét sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập, tĩnh tại không liên hệ, không phát triển là

**A.** phương pháp thống kê. **B.** phương pháp luận biện chứng.

**C.** phương pháp luận logic. **D.** phương pháp luận siêu hình.

**Câu 18:** Trong các câu tục ngữ dưới đây, câu nào **không** có yếu tố biện chứng?

**A.** Đánh bùn sang ao. **B.** Môi hở răng lạnh.

**C.** Tre già măng mọc. **D.** An cư lạc nghiệp.

**Câu 19:** Giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào là nội dung.

**A.** Khái niệm vấn đề cơ bản của Triết học.

**B.** Mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

**C.** Vấn đề cơ bản của Triết học.

**D.** Mặt thứ hai vấn đề cơ bản của Triết học.

**Câu 20:** Học thuyết về phương pháp nhận thức khoa học và cải tạo thế giới được gọi là

**A.** nhân sinh quan. **B.** khoa học xã hội.

**C.** phương pháp luận. **D.** thế giới quan.

**Câu 21:** Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm phát triển là

**A.** sự chuyển hóa từ cái cũ sang cái mới.

**B.** chất của sự vật không thay đổi trong quá trình vận động và phát triển.

**C.** vận động đi lên, cái mới ra đời thay thế và kế thừa cái cũ.

**D.** sự lớn lên, to ra, nhiều hơn của mọi sự vật, hiện tượng.

**Câu 22:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý kiến nào dưới đây là đúng?

**A.** Sự vật và hiện tượng trong xã hội lặp đi lặp lại.

**B.** Sự vật và hiện tượng không biến đổi.

**C.** Sự vật và hiện tượng biến đổi phụ thuộc vào con người.

**D.** Sự vật và hiện tượng luôn không ngừng biến đổi.

**Câu 23:** Quá trình hoạt động thực tiễn cũng đồng tời là quá trình phát triển và hoàn thiện

A. Phương thức sản xuất. B. Phương thức kinh doanh.

C. Đời sống vật chất. D. Đời sống tinh thần.

**Câu 24:** Cặp khái niệm nào dưới đây nói đến hai mặt đối lập trong kinh tế?

**A.** Tiến bộ – lạc hậu. **B.** Tăng trưởng – phát triển.

**C.** Tài nguyên – chính sách. **D.** Sản xuất – tiêu dùng.

**Câu 25:** Nguyên nhân tạo nên sự suy thoái hay tiến bộ của nền đạo đức xã hội theo quan điểm của Triết học là sự đấu tranh giữa

**A.** pháp luật và đạo đức. **B.** phong tục và tập quán.

**C.** cái thiện và cái ác. **D.** cái được và cái mất.

**Câu 26:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mặt đối lập do đâu mà có?

**A.** Do ý thức, cảm giác của con người tạo ra.

**B.** Do ý niệm tuyệt đối sinh ra.

**C.** Là vốn có của thế giới vật chất.

**D.** Do các sự vật, hiện tượng quy định lẫn nhau.

**Câu 27:** Dân gian có câu "Góp gió thành bão", câu nói đó thể hiện quan niệm gì?

**A.** Chất của sự vật thay đổi .

**B.** Lượng của sự vật thay đổi.

**C.** Tích lũy về lượng để thay đổi về chất.

**D.** Nhiều cái nhỏ sẽ thành một cái to.

**Câu 28:** Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định, phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì

**A.** sự vật thay đổi **B.** chất mới ra đời

**C.** sự vật phát triển **D.** lượng mới hình thành

**Câu 29:** Câu nào sau đây **không** phản ánh đúng mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng trong triết học?

**A.** Lượng biến đổi dẫn đến chất biến đổi.

**B.** Chất và lượng luôn có sự tác động lẫn nhau.

**C.** Chất quy định lượng.

**D.** Mỗi chất có lượng phù hợp với nó.

**Câu 30:** Câu nào dưới đây là phủ định biện chứng?

**A.** Hết mưa là nắng **B.** Hết hạ sang đông

**C.** Hết ngày đến đêm **D.** Hết bĩ cực đến hồi thái lai

**Câu 31:** Ý kiến nào dưới đây **đúng** khi nói về thực tiễn?

A. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động tinh thần.

B. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất.

C. Thực tiễn chỉ là những hoạt động lao động.

D. Thực tiễn chỉ là những hoạt động khách quan.

**Câu 32:** Để hoạt động học tập và lao động đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải luôn

**A.** phát huy kinh nghiệm bản thân **B.** gắn lí thuyết với thực hành

**C.** đọc nhiều sách **D.** đi thực tế nhiều

**Câu 33:** Những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội được gọi là

**A.** cải tạo **B.** lao động **C.** nhận thức **D.** thực tiễn

**Câu 34:** Hoạt động thực tiễn gồm mấy hình thức?

**A.** Ba **B.** Hai **C.** Bốn **D.** Năm

**Câu 35:** Biểu hiện nào dưới đây **không phải** là phủ định siêu hình?

A. Người nông dân xay hạt lúa thành gạo ăn. B. Gió bão làm cây đổ.

C. Người tối cổ tiến hóa thành người tinh khôn. D. Con người đốt rừng.

**Câu 36:** Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Thực tiễn là cơ sở của nhận thức. B. Thực tiễn quyết định toàn bộ nhận thức.

C. Thực tiễn là động lực của nhận thức. D. Thực tiễn là tiêu chuẩn của nhận thức.

**Câu 37:** Tục ngữ nào dưới đây là phủ định siêu hình?

A. ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. B. cây có cội, nước có nguồn.

C. kiến tha lâu cũng đầy tổ. D. có thực mới vực được đạo.

**Câu 38:** Phủ định biện chứng là sự phủ định diễn ra do

A. Sự tác động của ngoại cảnh.

B. Sự phát triển của bản thân sự vật, hiện tượng.

C. Sự tác động của con người.

D. Sự tác động thường xuyên của sự vật, hiện tượng.

**Câu 39:** Sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật và hiện tượng là phủ định

A. Biện chứng.      B. Siêu hình. C. Khách quan.       D. Chủ quan.

**Câu 40:** Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về phủ định biện chứng?

A. Phủ định biện chứng kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật, hiện tượng cũ.

B. Phủ định biện chứng diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật, hiện tượng.

C. Phủ định biện chứng đảm bảo cho các sự vật, hiện tượng phát triển liên tục.

D. Phủ định biện chứng không tạo ra và không liên quan đến sự vật mới.

**Câu 41:** Khẳng định nào dưới đây là **đúng** khi nói về phủ định biện chứng

A. Có trăng quên đèn. B. Có mới nới cũ.

C. Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ. D. Rút dây động rừng.

**Câu 42:** Trường hợp nào dưới đây là phủ định biện chứng?

A. Đầu tư tiền sinh lãi. B. Lai giống lúa mới.

C. Gạo đem ra nấu cơm. D. Sen tàn mùa hạ.

**Câu 43:** Ví dụ nào dưới đây là biểu hiện của phủ định siêu hình?

A. Xóa bỏ hoàn toàn nền văn hóa phong kiến. B. Xây dựng nên văn hóa tiên tiến.

C. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. D. Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.

**Câu 44:** Quá trình phát triển từ trứng → tằm → nhộng →bướm → trứng là biểu hiện của

A. Phủ định biện chứng. B. Phủ định siêu hình.

C. Phủ định quá khứ. D. Phủ định hiện tại.

**Câu 45:** Trường hợp nào dưới đây **không** phải là hoạt động chính trị - xã hội

A. ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt. B. ủng hộ trẻ em khuyết tật.

C. thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ. D. trồng rau xanh cung ứng ra thị trường.

**Câu 46:** Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản và quan trọng nhất, quy định các hoạt động khác là hoạt động nào dưới đây?

A. Kinh doanh hàng hóa. B. Sản xuất vật chất.

C. Học tập nghiên cứu. D. Vui chơi giải trí.

**Câu 47:** Câu nào dưới đây thể hiện thực tiễn là động lực của nhận thức?

A. Cái khó ló cái khôn. B. Con vua thì lại làm vua.

C. Con hơn cha là nhà có phúc. D. Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

**Câu 48:** Bác Hồ từng nói: “Lí luận mà không liên hệ với thực tiễn là lí luận suông”. Câu nói của Bác có nghĩa: thực tiễn là

A. Cơ sở của nhận thức. B. Động lực của nhận thức.

C. Mục đích của nhận thức. D. Tiêu chuẩn của chân lí.

**Câu 49:** Câu nào dưới đây **không** nói về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Học đi đôi với hành. B. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

C. Trăm hay không bằng tay quen. D. Dốt đến đâu học lâu cũng biết.

**Câu 50:** Phủ định siêu hình là sự phủ định được diễn ra do

A. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng. B. Sự tác động từ bên ngoài.

C. Sự tác động từ bên trong. D. Sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng.

**Câu 51:** Khẳng định nào dưới đây **đúng** về phủ định siêu hình?

A. Phủ định siêu hình kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật cũ.

B. Phủ định siêu hình thúc đẩy sự vật, hiện tượng phát triển.

C. Phủ định siêu hình xóa bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật.

D. Phủ định siêu hình là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn.

**Câu 52:** Câu tục ngữ nào dưới đây là **đúng** khi nói về phủ định siêu hình?

A. Tre già măng mọc. B. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

C. Con hơn cha là nhà có phúc. D. Có mới nới cũ.

**Câu 53:** Khái niệm dùng để chỉ việc can thiệp tác động từ bên ngoài nhằm xóa bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng gọi là phủ định

A. biện chứng.       B. siêu hình. C. khách quan.      D. chủ quan.

**Câu 54:** Nội dung nào dưới đây là đặc trưng của phủ định siêu hình?

A. Sự phủ định diễn ra do sự can thiệp, tác động từ bên ngoài.

B. Sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật

C. Sự phủ định diễn ra do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên

D. Sự phủ định diễn ra do ảnh hưởng của hoàn cảnh sống.

**Câu 55:**Sự phủ định diễn ra do sự can thiệp, tác động từ bên ngoài hoặc xóa bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật, hiện tượng là phủ định

A. Tự nhiên.       B. Siêu hình. C. Biện chứng.       D. Xã hội.

**Câu 56:** Khẳng định nào dưới đây là **đúng** khi nói về phủ định biện chứng?

A. Bão làm đổ cây. B. Đổ hóa chất xuống hồ làm cá chết.

C. Cây lúa trổ bông. D. Sen tàn mùa hạ.

**Câu 57:** Biểu hiện nào dưới đây **không phải** là phủ định biện chứng?

A. Xã hội tư bản chủ nghĩa thay thế xã hội phong kiến.

B. Các giống loài mới thay thế giống loài cũ.

C. Con người dùng hóa chất tiêu diệt sinh vật.

D. Học sinh đổi mới phương thức học tập.

**Câu 58:** Câu tục ngữ nào dưới đây **không phải** là phủ định biện chứng?

A. Sông lở cát bồi. B. Uống nước nhớ nguồn.

C. Tức nước vỡ bờ. D. Ăn cháo đá bát.

**Câu 59:** Khẳng định nào dưới đây phù hợp với quan điểm phủ định biện chứng?

A. Tự phê bình là đánh giá ưu điểm và khuyết điểm của bản thân, nhằm phát huy cái tốt khắc phục cái xấu.

B. Phê bình là đánh giá khuyết điểm của bản thân, nhằm khắc phục cái xấu.

C. Phê bình là chỉ ra khuyết điểm của người khác để họ sữa chữa cho tốt.

D. Tự phê bình là đánh giá ưu điểm và khuyết điểm, nhằm phát huy điểm mạnh của bản thân.

**II.Phần tự luận.**

Bài 1,3,5.

 **Hết**